

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 01 - 2022.

V/v “Tranh chấp kiện ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 17, Phân trại số 2 – Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Hoàng Thị Như T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Phiên tòa có mặt chị M; anh T vắng; chị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Chị và anh Hoàng Đức T kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày

19/7/2013 tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm. Việc cưới hỏi được gia đình hai bên tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Ngoài ra còn do anh T mắc nghiện ma túy và thường xuyên đánh chị. Gia đình hai bên cùng anh em bạn bè và chính quyền địa phương đã phân tích hòa giải nhưng không được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Hoàng Đức T.

* Tại bản tự khai ngày 02/11/2021, bị đơn anh Hoàng Đức T có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị M khai là đúng. Sau kết hôn vợ chồng sống chung cùng bố mẹ đẻ anh, sau đó ở riêng. Trong quá trình sống chung vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn và cũng không sống ly thân. Ngày 16/11/2019 thì anh bị bắt vì hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân huyện B kết án 36 tháng tù. Hiện nay đang chấp hành án tại Phân trại số 2 Trại giam T. Nay chị M làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh không muốn ly hôn mà vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị M.

* Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Hoàng Linh N (con gái), sinh ngày 16/10/2013 và cháu Hoàng Hà Anh T (con gái), sinh ngày 23/5/2017. Hiện nay cháu N đang ở với chị Hoàng Thị Như T (chị gái anh T) ở thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, còn cháu T đang ở với chị M. Nếu ly hôn, chị M xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh T không có quan điểm về nuôi con chung vì anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh vẫn muốn vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau.

Hiện chị M không có thai nghén gì

* Về tài sản chung và công nợ chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 03/12/2021, chị Hoàng Thị Như T có quan điểm: Chị là chị gái anh Hoàng Đức T. Khoảng tháng 11/2019 chị có đón cháu Hoàng Linh N về nhà chị chăm sóc, nuôi dưỡng vì lý do anh T đi chấp hành án còn chị M không đủ điều kiện và khó khăn trong việc chăm sóc hai con. Quá trình cháu N ở với chị thì chị chăm sóc nuôi dưỡng tốt và lo cho cháu việc học hành đầy đủ. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh T, chị đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh T chấp hành án xong về vợ chồng giải quyết với nhau. Sau này Tòa án giao cháu N cho ai nuôi thì chị có trách nhiệm giao con cho người đó. Hiện nay chị chỉ là người hỗ trợ nuôi con cho chị M anh T, toàn bộ chi phí nuôi dưỡng ăn học của cháu N từ lúc chị nuôi đến nay chị không yêu cầu chị

M hay anh T phải trả chi và chi cũng không có yêu cầu gì khác.

* Tại bản tự khai ngày 03/12/2021 cháu Hoàng Linh N có quan điểm: Năm 2019 cháu được bác Hoàng Thị Như T đón về nuôi, mẹ cháu không thường xuyên thăm cháu, bố cháu đi cải tạo chưa về. Nay mẹ cháu xin ly hôn với bố cháu thì cháu xin được ở với bố.

* Quan điểm của ông Hoàng Cao K và bà Bùi Thị T: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Hoàng Đức T. Quá trình vợ chồng anh T chị M sống chung với nhau xảy ra mâu thuẫn va chạm thế nào ông bà không biết. Ngày 16/11/2019 anh T có hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xử phạt 36 tháng tù. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam T và còn 03 tháng nữa sẽ chấp hành án xong. Nay chị M xin ly hôn anh T, ông bà đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện chờ anh T chấp hành án xong về giải quyết với nhau, ông bà tôn trọng quyết định của anh chị. Nếu chị M và anh T ly hôn thì việc nuôi con chung do vợ chồng anh chị quyết định nên ông bà đề nghị Tòa án chờ anh T chấp hành án xong về để vợ chồng gặp gỡ thỏa thuận.

* Quan điểm của UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam: Nay chị M khởi kiện xin ly hôn anh T tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của anh chị theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M.

+ Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Hoàng Đức T.

+ Về con chung: Giao cháu Hoàng Linh N và cháu Hoàng Hà Anh T cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Hoàng Đức T có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Hoàng Đức T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Chị Hoàng Thị Như T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt có lý do và đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị Như T tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại đơn đề nghị tạm hoãn phiên tòa xét xử đề ngày 07/01/2022, anh Hoàng Đức T đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa xét xử vụ kiện xin ly hôn để chờ đến khi anh chấp hành án phạt tù về địa phương sẽ tham gia phiên tòa xét xử vụ kiện ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Lý do xin hoãn phiên tòa mà anh T đưa ra không thuộc một trong các trường hợp hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, anh T cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện thời gian anh T sẽ chấp hành án xong. Vì vậy việc xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 241 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Hoàng Đức T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2013 tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau kết hôn, vợ chồng chị M anh T đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và có hai con chung, đến ngày 16/11/2019 anh T bị bắt về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xử phạt 36 tháng tù, hiện

nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam T. Chị M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau và do anh T mắc tệ nạn nghiện ma túy, thường xuyên chửi bới đánh chị; còn anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn và không sống ly thân. Tuy nhiên thực tế từ ngày 16/11/2019 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân nhau là có thật. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được, nên xử cho chị M ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung là cháu Hoàng Linh N (con gái), sinh ngày 16/10/2013 và cháu Hoàng Hà Anh T (con gái), sinh ngày 23/5/2017. Nếu ly hôn, chị M xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; anh T không có quan điểm về nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu T còn nhỏ (dưới 07 tuổi), từ khi anh T đi chấp hành án đến nay cháu T do mình chị M nuôi dưỡng chăm sóc, tình cảm mẹ con gắn bó thân thiết; Còn cháu N hiện đang do chị T (là chị gái anh T) nuôi dưỡng chăm sóc và cháu N cũng có nguyện vọng xin được ở với anh T khi bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên, tại thời điểm giải quyết ly hôn, anh T đang phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam nên việc trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là không thể thực hiện được. Còn chị M có nguyện vọng và có đầy đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Vì vậy cần giao cả hai con chung cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Con nuôi, con riêng: Chị M và anh T thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện nay chị M không có thai nghén gì.

- Về chi phí nuôi dưỡng, ăn học của cháu Hoàng Linh N từ lúc chị Hoàng Thị Như T nuôi đến nay: Do chị T không yêu cầu chị M hay anh T phải trả chị và chị cũng không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 241, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Hoàng Đức T.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Ngọc M được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng là cháu Hoàng Linh N (con gái), sinh ngày 16/10/2013 và cháu Hoàng Hà Anh T (con gái), sinh ngày 23/5/2017 cho đến khi cháu N và cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về con nuôi, con riêng, tài sản chung và công nợ chung: Chị M và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị M được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000251 ngày 18/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị M đã nộp đủ.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Chị M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T và chị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND phường T, TP P,
tỉnh Hà Nam;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Duy